

THÔNG BÁO

**Thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển dụng công chức
ngành KSND năm 2019 và nộp hồ sơ tuyển dụng công chức**

Thực hiện Kế hoạch số 133/KH-VKSTC ngày 31/7/2019 của VKSND tối cao về thi tuyển công chức ngành KSND năm 2019; căn cứ kết quả thi tuyển công chức, Hội đồng tuyển dụng công chức VKSND tối cao Thông báo kết quả thi sinh trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức ngành Kiểm sát nhân dân năm 2019 (có danh sách kèm theo) trên cổng thông tin điện tử VKSND tối cao tại địa chỉ: <http://www.vksndtc.gov.vn>.

Yêu cầu mỗi thí sinh xây dựng 02 bộ hồ sơ và nộp tại Hội đồng tuyển dụng công chức VKSND tối cao (qua Vụ Tổ chức cán bộ) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo kết quả trúng tuyển trên cổng thông tin điện tử của VKSND tối cao.

Hồ sơ tuyển dụng gồm các giấy tờ, tài liệu sau đây:

- Phiếu đăng ký dự tuyển công chức theo mẫu (Phụ lục số 03) Quy chế số 587/QĐ-VKSTC ngày 29/11/2019 của VKSND tối cao về tuyển dụng công chức ngành KSND.

- Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của chính quyền địa phương nơi người dự tuyển thường trú trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

- Bản sao giấy khai sinh được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 12 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

- Bản sao giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực hoặc xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý công chức (nếu là con cán bộ trong ngành).

- Phiếu lý lịch tư pháp (do Sở Tư pháp nơi thường trú cấp);

Nếu hồ sơ được gửi theo đường bưu điện thì tính từ ngày bưu điện nơi gửi đóng dấu trên phong bì). Sau thời gian quy định nêu trên Hội đồng tuyển dụng công chức sẽ không giải quyết việc tiếp nhận hồ sơ tuyển dụng và phản công công tác đối với thí sinh.

Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ: Vụ Tổ chức cán bộ VKSND tối cao, số 9 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Hội đồng tuyển dụng công chức VKSND tối cao thông báo để thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển công chức ngành KSND năm 2019 được biết. Yêu cầu VKSND cấp tỉnh (nơi nhận hồ sơ tuyển dụng công chức) tải thông tin, danh sách trúng tuyển của thí sinh, đăng trên cổng thông tin điện tử của đơn vị và dán tại trụ sở của cơ quan, đồng thời thông báo tới các thí sinh trúng tuyển được biết.

Nơi nhận:

- Ban Văn phòng VKSND/TC (để báo cáo);
- Ban Chủ tịch HĐTD công chức (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử VKSND/TC;
- Lưu: V1, V15.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
PHÓ CHỦ TỊCH



VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
Tăng Ngọc Tuấn

DANH SÁCH

Thư sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển dụng công chức ngành KSND năm 2019

(Kèm theo Thông báo số: 104/VN-AMTD ngày 30/7/2019 của Bộ đồng tuyển dụng công chức KSND số 001)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính		Điểm thi	Nơi đăng ký HKTT	Ghi chú
			Nam	Nữ			
1	811	Phạm Thị Phương Anh		30/10/1996	Thị	P. Chi Lăng, TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn	
2	808	Phạm Thị Lan Anh		20/6/1996	Thị	Suối Sơn, Đình Lập	
3	818	Trương Ngọc Anh		10/3/1996	Kinh	Huân Bình, Nam Bình, Bắc Giang	
4	814	Phạm Công Hoàng Anh	18/3/1996		Kinh	Hồng Hải 1, Hải An, Hải Phòng	
5	812	Phạm Thị Anh		4/12/1996	Thị	P. Hoàng Văn Thụ, TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn	
6	816	Nguyễn Ngọc Anh		18/5/1996	Mixing	Đình Ngã, Hòa Bình, Hòa Bình	
7	809	Nguyễn Thị Kim Anh		29/12/1996	Kinh	Lạng Giang, Văn Giang, Hưng Yên	
8	810	Tôn Hoàng Anh		30/9/1996	Kinh	Phước Hòa, TP Việt Trì, Phú Thọ	
9	811	Lê Hoàng Anh	26/6/1996		Kinh	Isom, Isom, Gia Lai	
10	820	Nguyễn Thị Diệp Anh		08/3/1996	Kinh	Hồng Thái, Sông Lô, Vĩnh Phúc	
11	822	Phạm Thị Ngọc Anh		08/3/1996	Kinh	Đình Châu, Yên Mỹ, Hưng Yên	
12	822	Phạm Ngọc Anh		15/12/1996	Thị	Hồng Mỹ, Châu Hóa, Tuyên Quang	
13	823	Lưu Thanh Anh	15/11/1996		Kinh	Lưu Phương, TP Hưng Yên, Hưng Yên	
14	826	Lê Phú Cường	08/10/1996		Kinh	Thị trấn, Lạc L, Đình Thuận	
15	808	Lê Đức Cường	3/3/1996		Kinh	Vạn Nhân, Thuận Trị, Bắc Hà	
16	812	Nguyễn Mạnh Cường	29/4/1996		Kinh	Cầu Lân, Lạc Cai, Lạc Cai	
17	803	Phạm Văn Cường	05/10/1996		Kinh	Phạm Cầu, Quảng Yên, Quảng Yên	
18	828	Nguyễn Đức Cường	23/10/1996		Hàng	Tân Nguyên, Văn Bình, Văn Bình	
19	804	Trương Thị Dung		19/11/1996	Thị	Mường Lũ, Lạc Yên, Yên Bái	
20	805	Trần Quang Dũng	23/2/1996		Kinh	Đội Cầu, Suối Bình, Hải Phòng	

STT	Số tên danh	Họ và tên	Ngày sinh		Đã sức	Nơi đăng ký HKTT	Ghi chú
			Năm	Ng			
20	007	Nguyễn Tuấn Dũng	26/1/1996		Kinh	TT Tô Hạp, Chanh Sơn, Khánh Hòa	
22	008	Tiểu Nguyễn Dũng	18/10/1996		Kinh	Hợp Sơn, Di Lăng, Nghệ An	
23	002	Lê Văn Duy	18/11/1998		Kinh	Huỳnh Đăng, Huỳnh Hòa, Thanh Hóa	
24	006	Phan Mạnh Đức	06/3/1996		Kinh	Kính Hải, Liên Thuận, Phú Thọ	
25	048	Bùi Tuấn Khánh Duy	15/11/1996		Hoa	TT Mỹ Xuyên, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	
26	060	Cần Văn Duy	16/6/1995		Thái	Tường Phong, Phú Yên, Sơn La	
27	044	Trương Thị Duyên		15/11/1996	Sao Đỏ	Trung Mỹ, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	
28	065	Trịnh Hồng Dương		26/11/1997	Đen	Đồng Phú, Ba Bể, Bắc Kạn	
29	046	Lê Thanh Duy	03/1/1996		Kinh	Cần Thành-Cần Phú-Quảng Ninh	
30	038	Lê Tuấn Hùng	10/10/1995		Vàng	Hải Lạc, Cao Bằng	
31	056	Nguyễn Trung Dân	19/6/1996		Kinh	Kính Giang, Thủy Nguyên, Hải Phòng	
32	042	Phan Hoàng Đức	30/11/1996		Kinh	TT Thanh, Chương, Thanh Chương, Nghệ An	
33	051	Vũ Đức Đức	25/11/1995		Kinh	TP Sơn La, Sơn La	
34	052	Phan Hoàng Công		28/11/1996	Kinh	Hải Mỹ, Duy Tân, Hà Nam	
35	056	Nguyễn Hoàng Công	6/11/1996		Kinh	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	
36	036	Lê Trường Công	11/11/1996		Thái	TT Sơn Sơn, Quỳnh Phong, Nghệ An	
37	060	Vũ Thị Hà		25/01/1996	Kinh	Mai Hưng, Hưng Hải, Nghệ An	
38	063	Phạm Thị Mỹ Hà		22/6/1996	Kinh	Quảng Hưng, Quảng Trạch, Quảng Bình	
39	061	Nguyễn Thị Ngọc Hà		27/11/1996	Kinh	Sơn Thủy, Lễ Thủy, Quảng Bình	
40	062	Huỳnh Thị Ngọc Hà		18/11/1996	Kinh	Đa Lân, Yên Bái, Yên Bái	
41	009	Lê Văn Việt Hà		10/6/1996	Kinh	Tân Hòa, Hòa Yên, Tuyên Quang	
42	063	Nguyễn Văn Hải		21/10/1996	Kinh	Tiểu Đăng, Yên Đăng, Bắc Giang	
43	064	Huỳnh Quốc Hải		26/11/1996	Tây	Lục Bình, Bạch Thông, Bắc Kạn	
44	065	Huỳnh Mỹ Hạnh		09/11/1996	Kinh	Cần Đức, Cần Phú, Quảng Ninh	
45	068	Nguyễn Hồng Hạnh		04/6/1996	Kinh	Hồng Văn Thọ, TP Thanh Nguyên, Thái Nguyên	

STT	Số tên đánh	Họ và tên	Giới tính		Ngày sinh	Nội dung ký HKTT	Ghi chú
			Nam	Nữ			
46	876	Lương Đình Hải		03/1996	Tây	Trịnh Đình, Yên Định, Lạng Sơn	
47	886	Bồ Thị Thanh Hằng		02/1996	Tây	Quảng Thuận, Thanh Hóa, Thanh Hóa	
48	871	Nguyễn Thị Hiền		11/1996	Kinh	Định Sơn, Việt Yên, Bắc Giang	
49	872	Tạ Tường Hải	18/1996		Kinh	Lưu Phú, Hải Sơn, Hà Nội	
50	874	Nguyễn Văn Minh	18/1996		Kinh	Hồng Sơn, Hòa Thuận Bắc, Hải Thuận	
51	872	Bồ Thị Huệ	06/1996		Kinh	Quảng Lâm - TP. Việt Trì - Phú Thọ	
52	875	Nguyễn Thị Hải		09/10/1996	Thái	Hồng Kỳ, Yên Bái, Yên Bái	
53	879	Trần Văn Hoàng	14/02/1997		Tây	Minh Tiến, Lạc Yên, Yên Bái	
54	880	Lê Thị Minh Hằng		09/10/1996	Kinh	Hồng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	
55	882	Đào Thị Huệ		14/5/1995	Mường	Yên Sơn, Thanh Sơn, Phú Thọ	
56	883	Phạm Đình Hằng	15/6/1996		Kinh	Đường Thị, Thuận Tín, Hà Nội	
57	892	Nguyễn Thị Huệ	03/10/1996		Kinh	Cần Thuận, Thái Nguyên, Thái Nguyên	
58	897	Nguyễn Thị Huyền		13/11/1996	Kinh	Vũ Thuận, Lạc Sơn, Bắc Giang	
59	893	Tôn Thị Huyền		11/05/1996	Hàng	Quảng Thuận, Hòa An, Cao Bằng	
60	894	Trần Thị Ngọc Huyền		11/1996	Kinh	Từ Trung, Khương, Hòa Lai	
61	896	Bồ Thị Minh Huyền		12/11/1991	Kinh	Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân Hà Nội	
62	898	Phạm Khánh Huyền		06/01/1996	Tây	Hồng Giáp, Yên Sơn, Lạng Sơn	
63	891	Nguyễn Thị Thanh Huyền		17/12/1996	Kinh	Phước Lai, Vĩnh, Nghi An	
64	881	Lê Đình Hằng	09/11/1996		Kinh	Phước 2, Hòa Lạc, Lâm Đồng	
65	887	Phạm Lê Quỳnh Hằng		05/12/1996	Kinh	Đô Lạc, Lâm Đồng	
66	888	Bồ Thị Thanh Hằng		05/6/1996	Mường	Thị Phú, Yên Sơn, Phú Thọ	
67	834	Lưu Văn Hải	02/11/1996		Kinh	Lâm Sơn, Yên Mỹ, Hưng Yên	
68	830	Phạm Thị Hằng	01/01/1996		Tây	Mai Sơn, Lạc Yên, Yên Bái	
69	838	Nguyễn Thế Hải	04/12/1996		Kinh	Đường Đình, Thanh Xuân Hà Nội	
70	830	Nguyễn Minh Hải	24/10/1996		Kinh	Thanh Sơn, Hòa Thuận Nam, Hải Thuận	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính		Điểm thi	Nội dung kỳ HKTT	Ghi chú
			Nam	Nữ			
71	101	Tôn Đình Khoa	26/1/98		Kinh	Vinh Trung, Yên Trung, Khánh Hòa	
72	102	Nguyễn Đình Kiên	25/5/1997		Kinh	P. Quận Vĩnh, Tr. Hoàng Mai, Nghi An	
73	103	Ngô Thanh Lâm	05/01/1996		Thy	Hồng Phong, Tân Thuận, Long An	
74	104	Phạm Đình Lễ		16/4/1996	Kinh	Ngũyễn Xã, LP Cầu, TP. Phóng	
75	112	Trương Nhật Linh		28/03/1996	Kinh	Hồng Mỹ, Đông Hải, Quảng Bình	
76	115	Đoàn Ngọc Linh	05/08/1996		Kinh	Đông Xuân, Thuận An, Hòa Thọ	
77	115	Đinh Tài Linh		11/7/1997	Kinh	Thanh Tân, Thanh Liêm, Hà Nam	
78	116	Lê Thị Cẩm Linh		20/01/1996	Kinh	Sơn Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	
79	117	Phạm Phú Linh		14/9/1996	Kinh	K. Cầu, K. An, Hà Tĩnh	
80	909	Nguyễn Thị Thủy Linh		3/05/1996	Thy	TP. Lào Cai, Lào Cai	
81	110	Nguyễn Thị Diệu Linh		20/10/1995	Thy	Bà Trưng, Lào Cai	
82	111	Nguyễn Mai Linh		25/01/1996	Cao Lạo	Phan Thiết Phòng, Thái Nguyên, Thái Nguyên	
83	111	Nguyễn Thị Diệu Linh		01/10/1996	Kinh	Vĩnh Thuận - Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc	
84	122	Nguyễn Thị Long	06/11/1996		Kinh	TT. Đông, Đông, Gia Lai	
85	123	Phạm Văn Long	22/10/1996		Kinh	Vĩnh Quang, Tây Ninh, Tây Ninh	
86	126	Nguyễn Thị Tuyết Mai		04/11/1996	Kinh	Mỹ Đức, Từ Sơn, Phú Thọ	
87	129	Trần Thị Sao Mai		25/01/1996	Mixed	Điền Bắc Hưng, Điền Bắc Hưng, Điền Bắc	
88	128	Vũ Thị Mạnh	24/03/1997		Kinh	Thương Nội, Hà Tĩnh, Hà Nội	
89	127	Lê Thị Mỹ		12/4/1996	Kinh	Yên Hoàng, Chương Mỹ, Hà Nội	
90	134	Tôn Thị Ngọc		29/5/1996	Thy	Phan Thiết, Cầu Lộ, Thanh Quang	
91	123	Nguyễn Thị Ngọc		10/01/1996	Kinh	Khánh Sơn, Nam Định, Nghi An	
92	128	Nguyễn Thị Kim Ngọc		06/11/1996	Thy	Vĩnh Hồng, Yên Bái, Yên Bái	
93	126	L. Thị Ngọc		02/11/1997	Thy	Tân Hoàng, Đông Sơn, Thái Nguyên	
94	118	Đoàn Thị Ngọc		10/12/1996	Kinh	Phước Hòa, Lương Tài, Bắc Ninh	
95	139	Nguyễn Văn Ngọc		15/10/1996	Kinh	Phước Hòa, Lê Thọ, Quảng Bình	

STT	Số báo danh	Họ và tên	GMS (sinh)		Điểm tập	Nơi đăng ký HKTT	Ghi chú
			Năm	Ng			
86	127	Trương Đức Ngọc	09/07/1996		Tây	Tại Phường, Từ Liêm, Cao Bằng	
87	140	Đặng Chí Nguyễn	14/07/1996		Không	Đông Hòa, An Minh, Kiên Giang	
88	142	Trương Thị Ánh Nguyệt		20/07/1996	Không	Sơn VI, Lâm Thao, Phú Thọ	
89	143	Phạm Thị Thanh Xuân		01/07/1996	Không	Lệ Ninh, Lệ Thủy, Quảng Ninh	
90	145	Nguyễn Thị Khánh Hòa		25/07/1996	Không	ĐP Hồ Tĩnh, Hồ Tĩnh	
91	148	Phạm Thị Quỳnh Như		11/07/1996	Mảng	Đa Ngạc, Hoàng Mai, Hà Nội	
92	149	Vũ Quốc Thái	30/03/1996		Sơn Đo	Tĩnh Lăng, Tĩnh Yên, Quảng Ninh	
93	148	Nguyễn Minh Phong	24/1/1996		Không	Hồ Lâm, Từ Liêm, Quảng Ninh	
94	152	Nguyễn Văn Phúc	19/01/1996		Không	Đông Hòa, Hà Nội	
95	149	Phạm Nguyễn Hoàng Phúc	29/01/1996		Không	Phước Thành, Chanh Thỉnh, Bình Thuận	
96	151	Tôn Thị Ngọc Phương		05/07/1996	Không	Tân Thuận, Tân Phong, Quảng Trị	
97	155	Nguyễn Thị Thu Phương		06/07/1996	Không	Hải Phòng, Mỹ Hòa, Hải Phòng	
98	158	Nguyễn Hoàng Quý	28/07/1996		Không	Vĩnh Thuận, Vĩnh Giang, Long An	
99	160	Nguyễn Thị Quỳnh		11/07/1996	Tây	Ngũyễn Mỹ, Lục Ngạn, Bắc Giang	
100	164	Lê Thị Như Quỳnh		01/07/1996	Không	Sơn Phú, Hoàng, Hà Nội	
101	165	Vũ Ngọc Quỳnh		23/07/1996	Không	TĐ Quý Châu, Quý Châu, Nghệ An	
102	162	Phạm Thanh Quỳnh		20/07/1996	Không	Ngũyễn Sơn, Ngũyễn Hưng, Sơn Định	
103	167	Nguyễn Văn Sơn	20/07/1996		Tây	Quảng Đông, Sơn Bắc, Bắc Ninh	
104	165	Nguyễn Hồng Sơn	20/07/1996		Không	Mai Sơn, Sơn LA	
105	168	Phạm Tấn Tài	20/07/1996		Không	Cần Thơ, Cần Thơ, Hồ Tĩnh	
106	200	Nguyễn Đức Tuấn	20/07/1996		Không	Tĩnh Lăng, Cần Thơ, Phú Thọ	
107	201	Vũ Đức Tuấn	20/07/1996		Không	Bình Đức, Minh Hòa, Vĩnh Bình	
108	202	Nguyễn Văn Tuấn	20/07/1996		Tây	Sơn Phú, Sơn Phú, Sơn Bắc	
109	212	Trương Tấn Tài	23/07/1996		Không	Hải An, Chanh Hòa, Tuyên Quang	
110	217	Hà Minh Tuấn	23/07/1996		Tây	Minh Tân, Tân Bắc, Yên Bái	

STT	Số hơn đánh	Họ và tên	Giới tính		Điểm đặc	Nội dung lý do	Ghi chú
			Nam	Nữ			
121	214	Bùi Đức Tuấn	27/11/1993		Kinh	Dũng Nam, Dũng Sơn, Thanh Hóa	
122	217	Phạm Thanh Vinh	18/1/1996		Kinh	Thịệp Đa, Thiệp Hòa, Thanh Hóa	
123	176	Nguyễn Thanh Thanh	28/3/1994		Kinh	Mưu Sơn, Yên Minh, Bắc Ninh	
124	172	Lê Văn Thanh	04/1/1996		Kinh	Kông Nô, Đô Hùng	
125	174	Phạm Văn Thanh	28/02/1993		Kinh	Ánh, Mừng Vàng, Gia Lai	
126	171	Phạm Văn Thanh	01/10/1995		Kinh	Hà Văn Mừng, Cầu Giấy, Vĩnh	
127	171	Tên Sưu Thơ	01/01/1996		Kinh	Ngũn Lũ, Ngũn Sông, Hòa Bình	
128	179	Nguyễn Vũ Phương Thảo		26/10/1996	Kinh	Hoa Lạc, Ngọc Hòa, Hòa Bình	
129	171	Bùi Ngọc Tuấn		5/5/1996	Kinh	T.T. Hoàng, Hoàng, Gia Lai	
130	181	Trần Hoàng Thảo		11/10/1993	Kinh	Thanh Công, Du Định, Hà Nội	
131	176	Trần Thị Phương Thảo		14/5/1996	Kinh	Thanh Lạc, Thanh Trì, Hà Nội	
132	181	Ngô Văn Thảo	04/11/1996		Tự	Vũ Tiến, An Yên, Lào Cai	
133	188	Mai Thị Hồng Thảo		07/02/1996	Kinh	Phu Lý, Hà Nam	
134	189	Quách Thị Thảo		02/10/1997	Không	Cần Giờ, Cần Thơ, Thanh Hóa	
135	190	Phạm Mai Thảo		11/1/1996	Tự	Vũ Hòa, Lào Cai	
136	195	Nguyễn Thị Thảo		1/03/1996	Kinh	Cần Sơn, Cần Phú, Quảng Ninh	
137	194	Lê Thị Thảo Thảo		14/6/1996	Kinh	Kông Nô, Đô Hùng	
138	192	Bùi Thị Thảo		13/12/1996	Không	Hoa Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình	
139	181	Lưu Thị Thanh Thảo		28/1/1996	Tự	Phu Lý, Phú Lương, Thái Nguyên	
140	203	Nguyễn Thị Thanh Thảo		26/11/1996	Tự	Phước Hòa, Hòa An, Cao Bằng	
141	207	Nguyễn Văn Trung	26/3/1996		Kinh	Hương Vĩ, Văn Trũ, Bắc Giang	
142	209	Nguyễn Vũ Trung	11/07/1996		Kinh	Chi M, Lạc Thủy, Hòa Bình	
143	208	Lê Văn Trung	01/3/1995		Kinh	Cần Trung, Cần Phú, Quảng Ninh	
144	211	Trần Văn Trung	06/8/1996		Kinh	Hà Bình, Hà Long, Quảng Ninh	
145	213	Ngô Văn Trung	19/8/1994		Kinh	Hồng Phú, Hồng Hóa, Thanh Hóa	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính		Điểm tập	Nội dung kỳ HKTT	Ghi chú
			Nam	Nữ			
146	114	Trương Thị Vân		20/8/1997	Thụ	Vũ Linh, Vũ Đình, Vũ Bá	
147	222	Mạc Như Ý	19/11/1996		Kinh	Yên Bình, Yên Đình, Yên Bắc	
148	212	Trần Thị Vân		25/6/1997	Đào	Cần Sơn, Cần Tiến, Thanh Sơn	
149	214	Trần Thị Hải Yến		20/7/1996	Kinh	Hải Sơn, Kinh Sơn, Hải Dương	
150	211	Lâm Yên Yên		21/6/1996	Đay	Khai Sơn, Bình Yên, Lâm Già	
151	110	Phạm Ngọc Yến		31/8/1996	Kinh	Trương Vương, Vũ Tiến, Phú Thọ	
152	219	Lê Thị Yến		17/11/1996	Nữ Sinh	Minh Lập, Đồng Mỹ, Thái Nguyên	
153	216	Nguyễn Thị Hải Yến		28/10/1996	Kinh	Yên Phúc, Ngọc Phú, Bình Phước	
154	217	Trần Thị Yến		22/01/1996	Kinh	Gia Cẩm, Việt Trì, Phú Thọ	

